

Bản án số: 260/2020/HS-PT

Ngày: 29-5-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Công Huân.

2. Bà Lê Kim Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trân - Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2020/TLPT-HS ngày 21/02/2020 đối với bị cáo Lê Thị Ngọc A và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Ngọc A, Hồ B, Nguyễn C, Châu Hoài D, Trần Thành E và Lâm Văn F, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HSST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo kháng cáo:

1/ Lê Thị Ngọc A; Sinh năm 1991, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã I, huyện J, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: C6A/1B tổ 5, ấp 3A, xã Vĩnh Lộc B, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt E; Con ông: Lê C và bà Hồ Thị H; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2/ Hồ B; Sinh năm 1989, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn K, xã Phú X, huyện Phú V, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Nhà không số, tổ 6, ấp 3A, xã Vĩnh Lộc B, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: E; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt E; Con ông: Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị L; Vợ là Nguyễn Thị H và có 01 con, sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3/ Nguyễn C; Sinh năm 1991, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Hà G, xã Vinh H, huyện Phú V, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Nhà không số, tổ 6, ấp 3A, xã Vĩnh Lộc B, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: thợ may; Trình độ học vấn: lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: E; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt E; Con ông: Nguyễn S và bà Lê Thị L; Vợ là Trần Thị Thêm và có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4/ Châu Hoài D; Sinh năm 1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C6/26 tổ 5, ấp 3A, xã L, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 250B tổ 9, ấp M, xã N, thành phố O, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: E; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt E; Con ông: Châu Văn B và bà Dương Thị N; Vợ là Huỳnh Thị Kim Y và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam ngày 18/8/2019 đến ngày 27/8/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

5/ Trần Thành E; Sinh năm 1972, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 20/6A ấp P, xã Q, huyện R, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: phụ hồ; Trình độ học vấn: lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: E; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt E; Con ông: Trần Thành D và bà Nguyễn Thị C; Vợ là Phạm Thị D Thúy và có 01 con sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 10/01/2008, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” và bị truy nã. Ngày 23/9/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định phục hồi điều tra đối với Trần Thành E.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2019 đến nay (có mặt).

6/ Lâm Văn F; Sinh năm 1969, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C6/1 tổ 5, ấp 3A, xã S, huyện G, thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: C6/1 tổ 5, ấp 3A, xã S, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Giới tính: E; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt E; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Con ông: Lâm Văn L và bà Châu Thị R; Vợ tên Phan Thị L và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2019, tại trước nhà số C6A/1B ấp 3A, xã Vĩnh Lộc B, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi Lê Thị Ngọc A bán nước giải khát, có một số người đến quán của A uống nước và mang theo bài tây 52 lá ra chơi bài cào 03 lá ăn tiền với nhau. A biết khách đến uống nước, đánh bài ăn thua bằng tiền nhưng không có ý kiến gì và khi người làm cái thắng thì cho A từ 20.000 đồng đến 30.000 đồng. Sau đó, người đến quán của A tham gia đánh bạc thường xuyên hơn nên A chuẩn bị sẵn bài tây để đánh bạc. Khoảng 18 giờ ngày 18/8/2019 A, Hồ B, Nguyễn C, Châu Hoài D, Trần Thành E, Lâm Văn F cùng với Nương, Hậu (chưa rõ lai lịch) cùng tham gia đánh bài cào 03 lá ăn thua bằng tiền tại quán nước của Lê Thị Ngọc A. Hình thức đánh bạc là sử dụng bộ bài tây 52 lá, trong đó 01 người làm nhà cái và nhiều người đặt tụ. Mỗi ván bài nhà cái chia mỗi tụ 03 lá bài rồi sau đó tính điểm xác định thắng thua với tụ bài của nhà cái, số tiền xác định thắng thua tương ứng với số tiền của người đặt tụ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi Lâm Văn F đang làm cái, các đối tượng khác tham gia đặt tụ thì bị công an bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: Tiền trên chiếu bạc 2.500.000 đồng, 01 bộ bài tây 52 lá, 07 cái ghế khung sắt và 01 bàn gỗ.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận như sau:

- Ngày 18/8/2019, Lê Thị Ngọc A có 13.070.000 đồng, sau đó có người phụ nữ tên Hằng đến trả nợ 2.000.000 đồng tiền vay và Lê Thị Ngọc A thu tiền xâu được 150.000 đồng. Trước khi bị bắt Lê Thị Ngọc A có tham gia đánh bạc, đặt tụ 9 ván bài, thua 2.000.000 đồng, sau đó A đưa cho Nguyễn C 2.000.000 đồng để đánh bạc giúp A. Khi bị bắt quả tang thu giữ Lê Thị Ngọc A 11.220.000 đồng, kể cả 150.000 đồng tiền xâu thu được.

- Nguyễn C đến sòng bạc mang theo 930.000 đồng nhưng không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tại đây, Nguyễn C được Lê Thị Ngọc A đưa 2.000.000 đồng để đánh bạc giúp A. Nguyễn C tham gia đặt tụ được 09 ván bài, thắng được số tiền 1.500.000 đồng. Ván bị bắt quả tang, Nguyễn C tham gia đặt tụ 500.000 đồng và bị thu giữ số tiền 3.930.000 đồng (trong đó có 3.000.000 đồng dùng để đánh bạc và 930.000 đồng là tiền C mang đến sòng bạc).

- Lâm Văn F đến sòng bạc mang theo 1.250.000 đồng, sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Tại đây, F tham gia đánh bạc, làm nhà cái và đã thua hết số tiền mang đến. Sau đó, F tiếp tục làm cái và nhờ Châu Hoài D chia bài giùm, thắng được 100.000 đồng. Ván bị bắt quả tang Châu Hoài D chưa kịp chia bài thì công an kiểm tra bắt quả tang nên Lâm Văn F bỏ chạy về nhà. Sau đó đến Công an xã Vĩnh Lộc B, huyện G đầu thú và giao nộp số tiền 100.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Châu Hoài D đến sòng bạc mang theo 932.000 đồng, sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc và tham gia đặt tụ 06 ván thua hết 800.000 đồng nên nghỉ.

Sau đó, chuyển sang chia bài giùm cho Lâm Văn F được 02 ván thì bị bắt quả tang, bị thu giữ số tiền 132.000 đồng (không sử dụng để đánh bạc).

- Hồ B đến sòng bạc mang theo 1.000.000 đồng, sử dụng để đánh bạc hết số tiền này. Hồ B tham gia đặt tụ 06 ván bài trong đó 03 ván thắng, 03 ván thua. Khi bị bắt quả tang bị thu giữ 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Trần Thành E đến sòng bạc mang theo 650.000 đồng, sử dụng để đánh bạc hết số tiền này. Trần Thành E tham gia đặt tụ 02 ván, mỗi ván 100.000 đồng nhưng đều bị thua. Ván bị bắt quả tang Trần Thành E chuẩn bị đặt tụ 100.000 đồng thì công an vào kiểm tra nên bỏ luôn số tiền còn lại 450.000 đồng trên chiếu bạc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HSST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

1/ Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc A 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Ngọc A 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

2/ Xử phạt bị cáo Trần Thành E 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/8/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Thành E 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

3/ Xử phạt bị cáo Nguyễn C 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn C 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

4/ Xử phạt bị cáo Hồ B 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Hồ B 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

5/ Xử phạt bị cáo Châu Hoài D 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2019 đến ngày 27/8/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Châu Hoài D 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

6/ Xử phạt bị cáo Lâm Văn F 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lâm Văn F 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 13/01/2020 Trần Thành E làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; vào ngày 17/01/2020 Nguyễn C làm đơn kháng cáo xin hưởng án treo hoặc phạt tiền; vào ngày 20/01/2020 Lê Thị Ngọc A xin hưởng án treo, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền; Hồ B, Châu Hoài D và Lâm Văn F kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi đánh bạc như nội dung Bản án sơ thẩm đã mô tả. Các bị cáo đều giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc tổng cộng là 6.600.000 đồng, nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Lê Thị Ngọc A, Châu Hoài D Nguyễn C, Hồ B và Lâm Văn F mới phạm tội lần đầu và trong trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên cấp sơ thẩm áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho các bị cáo này là có căn cứ, đáng luật; bị cáo Lâm Văn F khi Công an đến bắt thì bỏ trốn, song đến chiều cùng ngày thì ra đầu thú nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là thiếu sót, đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết này cho bị cáo F.

Về hình phạt: Các bị cáo Châu Hoài D, Nguyễn C, Hồ B và Lâm Văn F có 2 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đủ điều kiện được hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, cho các bị cáo này được hưởng án treo. Bị cáo Lê Thị Ngọc A là người trực tiếp đánh bạc và cho các bị cáo đánh bạc tại quán nước của mình để thu tiền xâu; bị cáo Trần Thành E trước đó đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A và bị cáo E.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các tình tiết trong vụ án để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các bị cáo thừa nhận đã có hành vi đánh bài cào 03 lá, được, thua bằng tiền và tổng số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc là 6.600.000 đồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm kết tội các bị cáo phạm tội ‘Đánh bạc’, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là có căn cứ, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Các bị cáo Nguyễn C, Hồ B và Châu Hoài D đều phạm tội lần đầu và trong trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cấp sơ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt mỗi bị cáo 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Song xét thấy các bị cáo B, C và D đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và đều là người lao động chính trong gia đình, nếu bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù thì gia đình của các bị cáo sẽ gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Do đó chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, cho các bị cáo hưởng án treo và việc cho các bị cáo hưởng án treo cũng không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

- Bị cáo Lâm Văn F tham gia đánh bạc cùng lúc với bị cáo B và bị cáo D. Ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như các bị cáo trên, thì bị cáo F còn có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự “Bị cáo ra đầu thú”, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này cho bị cáo là thiếu sót và mức án 1 năm tù mà cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là nặng so với bị cáo B và bị cáo D. Do đó cần giảm án cho bị cáo, xử phạt bị cáo bằng mức án của bị cáo B và bị cáo D cho đảm bảo tính công bằng. Bị cáo F có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có việc làm ổn định, nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo hưởng án treo và việc cho bị cáo F hưởng án treo cũng không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

- Bị cáo Lê Thị D A tham gia đánh bạc ngay từ đầu cùng với bị cáo B, bị cáo F và bị cáo D, do lúc đó chưa đủ người. Sau khi bị cáo Nguyễn C đến thì bị cáo không tham gia nữa và đưa 2.000.000 đồng cho bị cáo Nguyễn C đánh giúp, vì trước đó bị cáo đánh thua. Điều đó cho thấy bị cáo A tham gia đánh bạc là bắt buộc, mục đích của bị cáo là tạo điều kiện cho người khác đánh bạc tại quán của bị cáo để bán nước giải khát. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại

điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặt khác, bị cáo là phụ nữ, có hoàn cảnh khó khăn, nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về mức khấu trừ thu nhập trong thời gian Cải tạo không giam giữ: Do bị cáo Lê Thị D A có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên được miễn.

- Bị cáo Trần Thành E có nhân thân không tốt, trước khi phạm vào tội này thì bị cáo đã bị Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng bị cáo bỏ trốn. Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” qui định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là không chính xác. Song mức án 1 năm tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, do đó không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Trần Thành E phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Lê Thị D A, Nguyễn C, Hồ B, Lâm Văn F và Châu Hoài D không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Ngọc A, Hồ B, Nguyễn C, Châu Hoài D và Lâm Văn F; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thành E. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HSST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

1/ Xử phạt **Lê Thị Ngọc A** 03 (Ba) năm Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án hoặc bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Thị Ngọc A cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Lê Thị Ngọc A có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Người bị kết án Cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Thị Ngọc A.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

2/ Xử phạt **Hồ B 09** (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ tuyên án phúc thẩm. (Ngày 29/5/2020).

3/ Xử phạt **Châu Hoài D 09** (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ tuyên án phúc thẩm. (Ngày 29/5/2020).

4/ Xử phạt **Nguyễn C 09** (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ tuyên án phúc thẩm. (Ngày 29/5/2020).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

5/ Xử phạt **Lâm Văn F 09** (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ tuyên án phúc thẩm. (Ngày 29/5/2020).

Giao các bị cáo Hồ B, Châu Hoài D, Lâm Văn F và bị cáo Nguyễn C cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Áp dụng Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Lê Thị Ngọc A, Hồ B, Nguyễn C, Châu Hoài D và Lâm Văn F nếu các bị cáo này không bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” về một tội phạm khác.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

6/ Xử phạt **Trần Thành E 01** (Một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam. (Ngày 18/8/2019).

Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Trần D E phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo Lê Thị Ngọc A, Hồ B, Nguyễn C, Châu Hoài D và Lâm Văn F không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Đã giải thích chế định án treo.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND huyện G; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (6)
- THA huyện G (1)
- TAND huyện G; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (6)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, tòa hình sự, hồ sơ (28) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu